

Số: 33/QĐ-VP

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai quyết toán ngân sách năm 2025
của Văn phòng Cục Biến đổi khí hậu**

CHÁNH VĂN PHÒNG CỤC BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Căn cứ Quyết định số 376/QĐ-BĐKH ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Cục Biến đổi khí hậu Quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Cục Biến đổi khí hậu;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông báo số 597/TB-BĐKH ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Cục Biến đổi khí hậu về việc Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2025;

Theo đề nghị của Kế toán trưởng Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2025 của Văn phòng Cục biến đổi khí hậu theo biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Kế toán trưởng Văn phòng và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục (để báo cáo);
- Các đơn vị thuộc khối cơ quan Cục;
- Lưu: VT, Ch.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Văn Anh

QUYẾT TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 33/QĐ-VP ngày 24 tháng 4 năm 2026
của Văn phòng Cục biến đổi khí hậu)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-	-	
I	Số thu phí, lệ phí	-	-	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	-	-	
III	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	-	-	
B	Quyết toán chi NSNN	24.124.749.505	24.124.749.505	
I	Nguồn ngân sách trong nước	23.156.780.578	23.156.780.578	
1	Chi quản lý hành chính (Loại 340-khoản 341)	11.535.009.008	11.535.009.008	
-	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (341-13)	10.104.519.008	10.104.519.008	
+	Chi lương, các khoản có tính chất lương, đóng góp theo lương, và khoản chi hành chính, trợ cấp thôi việc	8.434.668.070	8.434.668.070	
+	Chi thường xuyên theo biên chế công chức	1.597.750.938	1.597.750.938	
+	Chi thường xuyên bổ sung theo kế hoạch hàng năm	72.100.000	72.100.000	
	Thanh tra, kiểm tra	72.100.000	72.100.000	
-	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (341-12)	1.430.490.000	1.430.490.000	
+	Hoạt động điều phối thực hiện các điều ước quốc tế về bảo vệ tầng ô-dôn	50.000.000	50.000.000	
+	Văn phòng phân ban Việt Nam - Hà Lan	197.000.000	197.000.000	
+	Hoạt động điều phối thực hiện cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP26	50.000.000	50.000.000	
+	Tiền thưởng theo Nghị định 73/2024-NĐ-CP	567.000.000	567.000.000	
+	Kinh phí bổ sung thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ	230.490.000	230.490.000	
+	Kinh phí XD văn bản QPPL	336.000.000	336.000.000	
	Thông tư quy định cấu trúc và xây dựng, cập nhật, duy trì, hướng dẫn khai thác, sử dụng CSDL quốc gia về BĐKH	168.000.000	168.000.000	
	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2014/TT-BTNMT ngày 24/3/2024 của Bộ trưởng Bộ TNMT quy định việc xây dựng, cấp Thư xác nhận, cấp Thư phê duyệt dự án theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022, Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15/11/2023, Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 và Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 07/7/2025	168.000.000	168.000.000	
2	Chi sự nghiệp kinh tế (Loại 280 - khoản 332)	340.135.000	340.135.000	

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
-	Báo cáo lượng tiêu thụ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính theo Nghị định thư Montreal"	340.135.000	340.135.000	
3	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường (Loại 250 - khoản 278)	11.232.046.570	11.232.046.570	
-	Nâng cao nhận thức về ứng phó BĐKH, hướng tới mục tiêu trung hòa các-bon theo cam kết tại COP26	3.903.719.000	3.903.719.000	
-	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và huy động sự tham gia của cộng đồng, doanh nghiệp nhằm thực hiện cam kết của VN về giảm phát thải khí mê-tan	4.283.980.149	4.283.980.149	
-	Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với BĐKH và Hệ thống giám sát, đánh giá hoạt động thích ứng BĐKH cấp quốc gia và cập nhật thông tin, quản lý CSDL về thích ứng với BĐKH	997.014.748	997.014.748	
-	Duy trì, vận hành và nâng cao hiệu quả hoạt động Cổng thông tin về BĐKH phục vụ công tác chuyển đổi số lĩnh vực BĐKH	836.194.678	836.194.678	
-	Khảo sát, đánh giá hiện trạng quản lý, sử dụng các chất được kiểm soát theo Nghị định thư Montreal và hướng dẫn thực hiện loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát tại VN	588.920.000	588.920.000	
-	Hỗ trợ thực hiện và theo dõi triển khai Đóng góp do quốc gia tự quyết định tại Việt Nam (SIM-NDC)	210.000.000	210.000.000	
-	Xây dựng Báo cáo minh bạch hai năm một lần lần thứ nhất của VN gửi Công ước khung của LHQ về BĐKH (BTR1)	150.000.000	150.000.000	
-	Hỗ trợ Việt Nam thực hiện Thỏa thuận Paris (VN-SIPA) giai đoạn 2	262.217.995	262.217.995	
4	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề (Loại 070 - khoản 085)	49.590.000	49.590.000	
-	Cử công chức đi đào tạo cao cấp lý luận - hành chính	49.590.000	49.590.000	
II	Nguồn viện trợ	967.968.927	967.968.927	
1	Chi sự nghiệp kinh tế (Loại 280 - khoản 332)	967.968.927	967.968.927	
-	Tăng cường năng lực Nghị định thư Montreal về các chất là suy giảm tầng ô-dôn và Bản sửa đổi, bổ sung Kigali ở Việt Nam thời kỳ 2021-2045 (ISP)	967.968.927	967.968.927	

